**BẢN THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC CHO VAY ĐẶC BIỆT CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỐI VỚI KHOẢN VAY CÓ LÃI SUẤT LÀ 0%/NĂM,**

**KHOẢN VAY KHÔNG CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM**

| **Nội dung dự thảo Quyết định** | **Giải trình, thuyết minh** |
| --- | --- |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm. . | - Căn cứ quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (khoản 4 Điều 193[[1]](#footnote-1), khoản 4 Điều 169[[2]](#footnote-2), khoản 5 Điều 179[[3]](#footnote-3), khoản 4 Điều 172[[4]](#footnote-4), khoản 7 Điều 183[[5]](#footnote-5)), việc cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không tài sản bảo đảm (TSBĐ), việc sửa đổi, bổ sung biện pháp cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không TSBĐ NHNN đều phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.  - Dự thảo quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt và giao NHNN quy định hoặc thực hiện theo pháp luật có liên quan đối với các nội dung khác, trên cơ sở:  + Để thực hiện việc cho vay đặc biệt, cần có nhiều nội dung, trong đó: (i) Các nội dung cơ bản bao gồm điều kiện TCTD được vay, các yếu tố chính của khoản cho vay (mục đích, số tiền, thời hạn, lãi suất, TSBĐ) và trình tự, thủ tục xem xét, quyết định; (ii) Các nội dung mang tính kỹ thuật: TSBĐ (loại TSBĐ/điều kiện TSBĐ/cách tính giá trị TSBĐ, việc xử lý TSBĐ, nhận cầm cố/thế chấp TSBĐ, việc thay thế/bổ sung TSBĐ), việc trả nợ vay đặc biệt (trường hợp trả nợ, số tiền trả nợ, biện pháp xử lý khi không trả được nợ), quy trình giữa TCTD – Ban KSĐB – NHNN và việc triển khai sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản quyết định.  Vì vậy, về nguyên tắc để có cơ sở Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt, tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ cần quy định toàn bộ các nội dung điều chỉnh việc cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ, việc sửa đổi, bổ sung khoản cho vay này; trường hợp không điều chỉnh thì các nội dung không điều chỉnh cần giao NHNN quy định để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý và thẩm quyền quy định phù hợp.  + Hiện tại, dự thảo Quyết định chỉ điều chỉnh các nội dung cơ bản bao gồm: điều kiện TCTD được xem xét, các tiêu chí làm cơ sở quyết định các nội dung cơ bản của việc cho vay (số tiền, thời hạn, lãi suất…), hồ sơ, thủ tục NHNN lấy ý kiến các bộ, trình Thủ tướng Chính phủ. Đây là các nội dung quan trọng, cần thiết đưa vào dự thảo Quyết định để làm cơ sở Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt.  Nếu dự thảo Quyết định điều chỉnh toàn bộ nội dung cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không TSBĐ thì nội dung Quyết định sẽ lớn. Do đó, đối với một số nội dung chi tiết mang tính kỹ thuật khác của khoản vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không TSBĐ[[6]](#footnote-6), dự thảo Quyết định giao NHNN quy định.  + Việc giao NHNN quy định một số nội dung chi tiết, kỹ thuật nêu trên là có cơ sở pháp lý, cụ thể: (i) Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành để quy định vấn đề thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ (việc cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không TSBĐ, việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn khoản cho vay đặc biệt này theo Luật Các TCTD 2024); (ii) Văn bản pháp luật quy định chi tiết việc cho vay đặc biệt Luật Các TCTD 2024 hiện chỉ có Thông tư NHNN, do đó, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ *không phải là văn bản quy định chi tiết và thi hành Luật Các TCTD 2024* và có thể giao NHNN quy định chi tiết các nội dung khác của việc cho vay đặc biệt lãi suất 0%/năm, không TSBĐ. |
| Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức tín dụng bao gồm ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.  2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan đến cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước theo Quyết định này. | Căn cứ quy định tại Luật Các TCTD 2024[[7]](#footnote-7) (Khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 3 Điều 191, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 171, điểm e khoản 1 Điều 182, khoản 9 Điều 210 và khoản 3 Điều 210), khoản 1 Điều 156[[8]](#footnote-8) Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi, bổ sung), thực tiễn xử lý cho vay đặc biệt, việc phê duyệt, xây dựng phương án cơ cấu lại theo Luật Các TCTD năm 2010 của các TCTD. |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm là việc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt, gia hạn khoản cho vay đặc biệt đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo đề xuất của Ngân hàng Nhà nước.  2. Bên vay đặc biệt là tổ chức tín dụng vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm.  3. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14.  4. Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH 15.  5. Phương án cơ cấu lại là phương án phục hồi hoặc phương án chuyển giao bắt buộc được quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.  6. Phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung là phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.  7. Việc gia hạn khoản cho vay đặc biệt (hoặc khoản vay đặc biệt) có lãi suất là 0%/năm, không có tài sản bảo đảm là việc kéo dài thêm một khoảng thời gian cho vay đặc biệt vượt quá thời hạn cho vay đặc biệt quy định tại Quyết định này. 8. Thời hạn cho vay đặc biệt là khoảng thời gian được tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tiền cho vay đặc biệt đến ngày bên vay đặc biệt trả hết nợ gốc và lãi tiền vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước. | Giải thích các từ, cụm từ quy định tại Quyết định này để thống nhất về nội dung, cách hiểu về một số từ, cụm từ quy định tại Quyết định này. |
| **Điều 4. Điều kiện xem xét việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung**  Tổ chức tín dụng đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  1. Là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.  2. Có phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, trong đó có đề xuất biện pháp cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và các nội dung của khoản vay đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước. Hoặc có phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung đang được Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó có đề xuất biện pháp cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước và có đầy đủ các nội dung sau:  a) Đối với biện pháp cho vay đặc biệt có lãi suất là 0%/năm: Tổ chức tín dụng có danh mục tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt. Đối với biện pháp cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm: Tổ chức tín dụng chưa có danh mục tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt và lãi suất cho vay đặc biệt là 0%/năm hoặc lớn hơn 0%/năm;  b) Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt là để thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác theo quy định tại Giấy phép và được xác định tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung  c) Số tiền đề nghị vay đặc biệt; thời hạn đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt không vượt quá thời hạn thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung. | Trên cơ sở quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (khoản 4 Điều 193, khoản 4 Điều 169, khoản 5 Điều 179, khoản 4 Điều 172, khoản 7 Điều 183), chỉ đạo tại Thông báo số 273/TB-VPCP về việc định quy định điều kiện cụ thể để có cơ sở xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN, ý kiến các bộ, cơ quan, dự thảo Quyết định điều kiện xem xét việc cho vay đặc biệt của NHNN trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung. |
| **Điều 5. Điều kiện xem xét việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt**  Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:  1. Tổ chức tín dụng bị rút tiền hàng loạt và đã/đang thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.  2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đề nghị vay đặc biệt, gia hạn khoản vay đặc biệt có đầy đủ các nội dung sau:  a) Chưa có danh mục tài sản bảo đảm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt tại thời điểm đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt;  b) Mục đích sử dụng tiền vay đặc biệt áp dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt để chi trả tiền gửi của người gửi tiền tại bên vay đặc biệt trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt; (không áp dụng đối với trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị gia hạn khoản vay đặc biệt);  c) Số tiền đề nghị vay đặc biệt trên cơ sở đánh giá tình hình khả năng chi trả trong thời hạn 30 ngày của bên vay đặc biệt;  d) Thời hạn đề nghị vay đặc biệt, gia hạn vay đặc biệt trên cơ sở đánh giá tình hình khả năng chi trả của bên vay đặc biệt và dưới 12 tháng;  đ) Mức lãi suất vay đặc biệt, trường hợp mức lãi suất cho vay đặc biệt là 0% áp dụng đối với tổ chức tín dụng có lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Trên cơ sở quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 (khoản 4 Điều 193, khoản 4 Điều 169, khoản 5 Điều 179, khoản 4 Điều 172, khoản 7 Điều 183), chỉ đạo tại Thông báo số 273/TB-VPCP về việc định quy định điều kiện cụ thể để có cơ sở xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN, ý kiến các bộ, cơ quan, dự thảo Quyết định điều kiện xem xét việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay không có tái sản bảo đảm trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt. |
| **Điều 6. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung**  1. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ:  a) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước  b) Phương án cơ cấu lại của tổ chức tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hoặc phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung đang được Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó có đề nghị việc vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm;  c) Báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 169, khoản 3 Điều 172, khoản 3 Điều 179, khoản 6 Điều 183 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đối với trường hợp phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (không áp dụng trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010);  d) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;  đ) Nghị quyết chuyển giao bắt buộc của Chính phủ;  e) Các văn bản khác liên quan đến việc đề xuất cho vay đặc biệt (nếu có).  2. Thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm:  a) Trên cơ sở phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung của tổ chức tín dụng và báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan liên quan về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;  b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;  c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;  d) Căn cứ hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng Nhà nước;  đ) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc cho vay đặc biệt theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với nội dung phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung được phê duyệt. | Căn cứ quy định tại Luật TCTD 2024 (khoản 4 Điều 169, khoản 4 Điều 172, khoản 5 Điều 179, khoản 7 Điều 183, khoản 4 Điều 193, khoản 1 Điều 192), ý kiến tham gia của bộ, cơ quan, TCTD, Ban KSĐB, để có cơ sở đề xuất và Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN trong trường hợp thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung, dự thảo Quyết định quy định hồ sơ NHNN đề xuất Thủ tướng Chính phủ và thủ tục NHNN lấy ý kiến bộ, cơ quan, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ. |
| **Điều 7. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt**  1. Hồ sơ tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước gồm:  a) Giấy đề nghị vay đặc biệt của tổ chức tín dụng theo Phụ lục 01 hoặc giấy đề nghị gia hạn vay đặc biệt theo Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định này;  b) Báo cáo về tình hình hoạt động, khả năng chi trả theo Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quyết định này;  c) Số liệu tiền gửi bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quyết định này;  d) Số liệu về nguồn vốn, sử dụng vốn bằng đồng Việt Nam theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Quyết định này;  đ) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (trường hợp tổ chức tín dụng là công ty cổ phần theo quy định tại khoản 10 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; tổ chức tín dụng là ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân), Hội đồng thành viên (trường hợp tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn) thông qua việc đề nghị vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước;  g) Văn bản ủy quyền trong trường hợp người ký các văn bản trong hồ sơ đề nghị là người đại diện theo ủy quyền của bên vay đặc biệt;  h) Các văn bản khác liên quan đến việc đề xuất cho vay đặc biệt (nếu có).  2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính gồm:  a) Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Văn bản của Ban Kiểm soát đặc biệt theo Phụ lục 06 ban hành kèm Quyết định này;  c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm;  d) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;  đ) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề xuất cho vay đặc biệt (nếu có).  3. Thủ tục xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm:  a) Tổ chức tín dụng gửi Ban kiểm soát đặc biệt hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Ban kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Căn cứ hồ sơ của tổ chức tín dụng và văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm;  c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;  d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước;  đ) Căn cứ hồ sơ đề nghị cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước và các bộ, cơ quan, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay không có tài sản bảo đảm trên cơ sở đề xuất của Ngân hàng Nhà nước;  e) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. | Căn cứ quy định tại Luật TCTD 2024 (khoản 4 Điều 193, điểm a khoản 1 Điều 192), ý kiến tham gia của bộ, cơ quan, TCTD, Ban KSĐB, để cơ sở sở đề xuất và Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, dự thảo Quyết định quy định hồ hồ sơ TCTD gửi NHNN và hồ sơ NHNN đề xuất Thủ tướng Chính phủ; thủ tục lấy ý kiến bộ, cơ quan, trình Thủ tướng Chính phủ. |
| **Điều 8. Xử lý khoản vay đặc biệt đã vay**  1. Trường hợp tổ chức tín dụng đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn chưa có phương án cơ cấu lại hoặc phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt, tổ chức tín dụng phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;  b) Có lỗ lũy kế lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.  2. Trường hợp tổ chức tín dụng đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước để thực hiện phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Là tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;  b) Có phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hoặc phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung đang được Ngân hàng Nhà nước xem xét, phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; trong đó phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay có đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm và miễn tiền lãi vay của khoản vay đặc biệt đã vay (nếu có). | Luật Các TCTD năm 2024 (điểm đ khoản 1 Điều 170, khoản 6 Điều 181, khoản 4 Điều 193) quy định nội dung phương án cơ cấu lại trong đó có nội dung phương án xử lý các khoản vay đặc biệt đã vay và thẩm quyền quyết định khoản vay đặc biệt của NHNN với lãi suất 0% thuộc Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, dự thảo Quyết định quy định như nêu trên xuất phát từ thực tiễn để xử lý các khoản vay đặc biệt phát sinh trong giai đoạn chưa có phương án cơ cấu lại/phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt hoặc để thực hiện phương án cơ cấu lại/phương án cấu lại được sửa đổi, bổ sung. |
| **Điều 9. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trong trong giai đoạn chưa có phương án cơ cấu lại hoặc phương án cơ cấu lại chưa được phê duyệt**  1. Hồ sơ tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước gồm:  a) Giấy đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 07 ban hành kèm theo Quyết định này;  b) Báo cáo về tình hình hoạt động, khả năng chi trả của tổ chức tín dụng theo Phụ lục 08 ban hành kèm theo Quyết định này;  c) Các văn bản chứng minh tổ chức tín dụng đáp ứng quy định khoản 1 Điều 8 Quyết định này.  2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ gồm:  a) Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Văn bản của Ban Kiểm soát đặc biệt đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước theo Phụ lục 09 ban hành kèm theo Quyết định này;  c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  d) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;  đ) Các tài liệu khác liên quan đến việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước (nếu có).  3. Thủ tục xem xét, quyết định việc đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước:  a) Tổ chức tín dụng gửi Ban kiểm soát đặc biệt hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này. Ban kiểm soát đặc biệt theo thẩm quyền có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này kèm hồ sơ của tổ chức tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này;  b) Căn cứ hồ sơ của tổ chức tín dụng và văn bản của Ban kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về đề xuất Thủ tướng Chính phủ áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  đ) Căn cứ hồ sơ đề nghị của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước và các bộ, cơ quan, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  e) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước. | Khoản 4 Điều 193 Luật Các TCTD năm 2024 quy định thẩm quyền xem xét quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ thuộc Thủ tướng Chính phủ theo đề xuất của NHNN. Theo đó, để NHNN có cơ sở đề xuất và Thủ tướng Chính phủ có cơ sở xem xét, quyết định lãi suất 0% đối với khoản vay đặc biệt đã vay, dự thảo Quyết định quy định cụ thể hồ sơ TCTD gửi NHNN và hồ sơ NHNN đề xuất Thủ tướng Chính phủ; thủ tục lấy ý kiến bộ, cơ quan, trình Thủ tướng Chính phủ. |
| **Điều 10. Hồ sơ, thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp để thực hiện phương án cơ cấu lại hoặc phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung**  1. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước đề xuất Thủ tướng Chính phủ:  a) Phương án cơ cấu lại của tổ chức tín dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 hoặc phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, trong đó có phương án xử lý khoản vay đặc biệt đã vay đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm và miễn tiền lãi vay của khoản vay đặc biệt đã vay;  b) Báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 169, khoản 3 Điều 172, khoản 3 Điều 179, khoản 6 Điều 183 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 đối với trường hợp phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;  c) Văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan có liên quan;  d) Các văn bản khác liên quan đến việc đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước (nếu có).  2. Thủ tục xem xét, quyết định việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước:  a) Trên cơ sở phương án cơ cấu lại của tổ chức tín dụng và báo cáo, đề nghị của Ban kiểm soát đặc biệt của tổ chức tín dụng quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xin ý kiến các bộ, cơ quan có liên quan về đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, căn cứ phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, các bộ, cơ quan có ý kiến bằng văn bản về đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước trên cơ sở đề nghị của Ngân hàng Nhà nước;  c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ văn bản tham gia ý kiến của các bộ, cơ quan, Ngân hàng Nhà nước tổng hợp ý kiến các bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  d) Căn cứ hồ sơ Ngân hàng Nhà nước báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước;  đ) Trên cơ sở ý kiến của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước tổ chức thực hiện việc áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay tại Ngân hàng Nhà nước. | Khoản 4 Điều 193 Luật Các TCTD năm 2024 quy định thẩm quyền xem xét quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có TSBĐ thuộc Thủ tướng Chính phủ theo đề xuất của NHNN; khoản 4 Điều 172, khoản 7 Điều 183 quy định việc sửa đổi, bổ sung phương án cơ cấu lại (bao gồm sửa đổi, bổ sung khoản vay đặc biệt). Theo đó, để NHNN có cơ sở đề xuất và Thủ tướng Chính phủ có cơ sở xem xét, quyết định lãi suất 0% đối với khoản vay đặc biệt đã vay, dự thảo Quyết định quy định cụ thể hồ sơ TCTD gửi NHNN và hồ sơ NHNN đề xuất Thủ tướng Chính phủ; thủ tục lấy ý kiến bộ, cơ quan, trình Thủ tướng Chính phủ. |
| **Điều 11. Tổ chức thực hiện**  1. Ngân hàng Nhà nước:  a) Chủ trì phối hợp với bộ, cơ quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề xuất việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm; chịu trách nhiệm về đề xuất việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm trình Thủ tướng Chính phủ phù hợp với quy định tại Quyết định này;  b) Tổ chức triển khai việc việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm sau khi Thủ tướng Chính phủ có ý kiến;  c) Kiểm tra, giám sát việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm;  d) Định kỳ tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm cho đến khi hết số dư cho vay các khoản này;  đ) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc để xem xét, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.  2. Các bộ, cơ quan phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước có ý kiến đối với đề nghị cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước đối với khoản vay có lãi suất 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm; xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này; chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến trong phạm vi quản lý của đơn vị mình theo quy định của pháp luật.  3. Tổ chức tín dụng  a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ của thông tin, số liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cho vay đặc biệt.  b) Sử dụng vốn vay đặc biệt đúng mục đích theo Quyết định này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt;  c) Trả hết gốc, lãi vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước khi khoản vay đặc biệt đến hạn. Thực hiện việc trả nợ vay đặc biệt theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung;  d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo tháng có dư nợ vay đặc biệt tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước khoản vay đặc biệt có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Nhà nước cho đến khi hết số dư các khoản vay này;  đ) Thực hiện các quy định về tài sản bảo đảm, điều kiện tài sản bảo đảm, bổ sung thay thế tài sản bảo đảm áp dụng trong trường hợp bị rút tiền hàng loạt, thực hiện phương án cơ cấu lại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung;  e) Thực hiện các quy định về vay đặc biệt tại Quyết định này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung, quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt và quy định pháp luật có liên quan.  4. Ban Kiểm soát đặc biệt:  a) Chịu trách nhiệm về các nội dung gửi Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Quyết định này;  b) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay đặc biệt của bên vay đặc biệt; thực hiện các quy định về vay đặc biệt tại Quyết định này, quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay đặc biệt, quy định (nếu có) tại phương án cơ cấu lại, phương án cơ cấu lại được sửa đổi, bổ sung, quy định của pháp luật về kiểm soát đặc biệt và quy định pháp luật có liên quan. | Trên cơ sở nội dung quy định phạm vi điều chỉnh, điều kiện, thủ thủ tục cho vay đặc biệt tại dự thảo Quyết định, trách nhiệm của Ban KSDBD tại Luật Các TCTD năm 2024, ý kiến bộ, cơ quan, TCTD, Ban KSĐB, Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 ban hành kèm theo Quy chế làm việc của Chính phủ, dự thảo Quyết định quy định trách nhiệm của NHNN, bộ, cơ quan, TCTD, Ban Kiểm soát đặc biệt. |
| **Điều 12. Quy định chuyển tiếp**  1. Các trường hợp cho vay đặc biệt không có tài sản bảo đảm của Ngân hàng Nhà nước đã phát sinh trước thời điểm Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó, bao gồm cả gia hạn khoản vay đặc biệt này.  2. Trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có đề nghị áp dụng lãi suất 0%/năm đối với khoản vay đặc biệt đã vay từ Ngân hàng Nhà nước trước ngày Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành; điều kiện, hồ sơ, thủ tục tuân thủ quy định tại Điều 8, 9, 10 Quyết định này. | Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 194 (về thẩm quyền quyết định lãi suất 0% thuộc Thủ tướng Chính phủ), khoản 3, 9 Điều 210 (về điều khoản chuyển tiếp) Luật Các TCTD năm 2024 và thực tế NHNN đang có các khoản cho vay đặc biệt với lãi suất khác 0%/năm phát sinh trước ngày 01/7/2024 đang còn số dư[[9]](#footnote-9), dự thảo Quyết định quy định: (i) Khoản 1 điều khoản chuyển tiếp để tiếp tục xử lý các khoản vay đặc biệt này trong trường hợp TCTD không đề xuất sửa đổi lãi suất của các khoản vay đặc biệt này thành lãi suất 0%; (ii) Khoản 2 điều khoản chuyển tiếp để xử lý các khoản vay đặc biệt này trong trường hợp TCTD đề xuất sửa đổi lãi suất của các khoản vay đặc biệt này thành lãi suất 0%. |
| **Điều 13. Hiệu lực thi hành**  Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành | NHNN đang trình Thủ tướng Chính quyết định áp dụng trình tự thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng, ban hành Quyết định, trong đó đề xuất Quyết định có hiệu lực kề từ ngày ký ban hành. |
| **Điều 14. Trách nhiệm thi hành**  Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức tín dụng, Ban kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. |  |

1. Khoản 4 Điều 193: Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt của NHNN đối với khoản vay có lãi suất là 0%/năm, khoản vay không có tài sản bảo đảm (TSBĐ) đối với tổ chức tín dụng (TCTD) trên cơ sở đề xuất của NHNN. [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 4 Điều 169: Trường hợp phương án phục hồi đề xuất biện pháp cho vay đặc biệt của NHNN với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ trước khi phê duyệt phương án phục hồi. [↑](#footnote-ref-2)
3. Khoản 5 Điều 179 quy định: Trường hợp phương án chuyển giao bắt buộc đề xuất biện pháp cho vay đặc biệt của NHNN với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ trước khi phê duyệt phương án phương án chuyển giao bắt buộc. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 4 Điều 172: Trường hợp sửa đổi, bổ sung biện pháp cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ trong phương án phục hồi, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung đó. [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản 7 Điều 183: Trường hợp sửa đổi, bổ sung biện pháp cho vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm, không có TSBĐ trong phương án chuyển giao bắt buộc, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung đó. [↑](#footnote-ref-5)
6. Như các nội dung: trình tự, thủ tục xử lý giữa TCTD – Ban KSĐB - NHNN; quy định chi tiết về loại TSBĐ, điều kiện TSBĐ, cách tính giá trị TSBĐ, việc xử lý TSBĐ, nhận cầm cố/thế chấp TSBĐ, việc thay thế/bổ sung; việc trả nợ vay đặc biệt trong một số trường hợp như không bổ sung TSBĐ, không sử dụng vốn vay đúng mục đích, chuyển nợ quá hạn, quy trình triển khai sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định…): [↑](#footnote-ref-6)
7. NHTM, NHHTX, QTDND, tổ chức TCVM bị rút tiền hàng loạt vay đặc biệt để chi trả tiền gửi theo quy định tại khoản 1 Điều 192, điểm c khoản 3 Điều 191 Luật TCTD 2024; NHTM, NHHTX, công ty tài chính tổng hợp, công ty tài chính chuyên ngành, tổ chức TCVM được kiểm soát đặc biệt vay đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi theo khoản 1 Điều 192, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 171); NHTM được kiểm soát đặc biệt vay đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo Luật Các TCTD năm 2024 đã được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 192, điểm e khoản 1 Điều 182; NHTM kiểm soát đặc biệt đã được quyết định chủ trương chuyển giao bắt buộc trước ngày hiệu lực của Luật Các TCTD năm 2024 sửa đổi, bổ sung biện pháp cho vay đặc biệt có lãi suất 0%/năm tại phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo Luật Các TCTD năm 2010.

   Khoản 3 Điều 210 quy định: TCTD được kiểm soát đặc biệt có khoản vay đặc biệt từ NHNN đến ngày Luật này có hiệu lực thi hành còn dư nợ và chưa có phương án cơ cấu lại được phê duyệt thì các bên được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng vay đặc biệt đã ký và được xem xét gia hạn vay đặc biệt theo quy định của Thống đốc NHNN. [↑](#footnote-ref-7)
8. Khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành VBQPPL (được sửa đổi, bổ sung) quy định: Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực.Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó. [↑](#footnote-ref-8)
9. Đây là các khoản vay đặc biệt tại NHNN của 02 TCTD được kiểm soát đặc biệt có phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt chủ trương theo quy định tại Luật Các TCTD 2010 (các khoản vay đặc biệt có TSBĐ) và 01 TCTD chưa có phương án cơ cấu lại (các khoản vay đặc biệt có/không có TSBĐ). [↑](#footnote-ref-9)